

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ MÔ HÌNH SINH KẾ CỘNG ĐỒNG GẮN VỚI DU LỊCH SINH THÁI TẠI VÙNG ĐỆM VƯỜN QUỐC GIA PHONG NHA - KÊ BÀNG

Bùi Thế Đới¹*, Trần Ngọc Thế¹, Võ Mai Anh¹

Trần Thanh Lâm², Vũ Linh Chi²,

Phùng Ngọc Trường³, Phạm Văn Toàn³

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá hiệu quả khi triển khai thực hiện mô hình phát triển sinh kế cộng đồng gắn với du lịch sinh thái tại vùng đệm Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng thông qua việc sử dụng một số phương pháp nghiên cứu: Phân tích thống kê mô tả; thang đo Likert 5 cấp độ; phân tích SWOT. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mô hình đạt hiệu quả về kinh tế - xã hội, đa dạng sinh học và môi trường (giá trị trung bình tổng thể là 3,55). Trong đó, nhóm tiêu chí về đa dạng sinh học được đánh giá cao nhất (giá trị trung bình dao động từ 3,63 - 4,38, tức là mức đồng ý đến rất đồng ý), tiếp đến là nhóm tiêu chí về môi trường (trung bình: 3,18 - 3,43), cuối cùng là nhóm tiêu chí về kinh tế - xã hội (trung bình: 2,99 - 3,56). Tuy nhiên, trong quá trình triển khai mô hình vẫn còn gặp một số khó khăn, thách thức như: Dịch bệnh, hiện tượng thời tiết cực đoan có xu hướng tăng... Do đó, một số giải pháp đã được đề xuất nhằm phát triển mô hình trong giai đoạn tiếp theo.

Từ khoá: Du lịch sinh thái, hiệu quả, sinh kế cộng đồng, thang đo Likert, Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vườn Quốc gia (VQG) Phong Nha - Kẻ Bàng được thành lập từ ngày 12/12/2001 [1] và là VQG duy nhất của Việt Nam được công nhận là Di sản Thiên nhiên thế giới với tiêu chí kép, sở hữu nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch văn hoá phong phú, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển nhiều loại hình du lịch như du lịch sinh thái, tham quan các di tích lịch sử - văn hoá, du lịch thể thao kết hợp trải nghiệm leo núi, tham quan hang động,...[2]. Tỉnh Quảng Bình và Ban quản lý VQG Phong Nha - Kẻ Bàng đã đặt ra các mục tiêu phát triển du lịch theo hướng bền vững trên cơ sở phát huy giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội, chất lượng sản phẩm, dịch vụ du

lich đã được nâng cao và đa dạng hoá [3].

Tại nhiều quốc gia trên thế giới, du lịch sinh thái được nhiều địa phương lựa chọn và tạo điều kiện nhằm thúc đẩy mục tiêu phát triển du lịch bền vững [4], [5]. Du lịch sinh thái cung cấp sự thay thế cho du lịch đại chúng và có ảnh hưởng tích cực đến các vấn đề như bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, phát triển kinh tế, tăng cường sự tham gia và nhận thức của cộng đồng, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá, lịch sử... [6]. Hiện nay, một số mô hình sinh kế cộng đồng gắn với phát triển du lịch sinh thái tại vùng đệm VQG Phong Nha - Kẻ Bàng còn mang tính tự phát, chưa có nhiều hướng dẫn và quy định phù hợp nhằm khuyến khích, thúc đẩy sự phát triển của địa phương; cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng đa dạng của du khách [6]. Bên cạnh đó, các hoạt động du lịch chủ yếu tập trung vào khai thác vùng lõi, ít chú ý tới vùng đệm và vùng chuyển tiếp nơi có nguồn tài nguyên thiên

¹ Trường Đại học Lâm nghiệp

² Viện Khoa học Môi trường và Biến đổi khí hậu

³ Trung tâm Nghiên cứu và Quy hoạch môi trường

nhiên phong phú, đang đóng góp một phần không nhỏ vào sự phát triển kinh tế - xã hội cũng như lưu trữ, bảo tồn nguồn gen, bảo tồn đa dạng sinh học.

Do vậy, mô hình phát triển sinh kế cộng đồng gắn với du lịch sinh thái phù hợp tại vùng đệm VQG Phong Nha - Kẻ Bàng đã được đề xuất và triển khai nhằm thúc đẩy phát triển du lịch sinh thái bền vững, gắn với việc nâng cao nhận thức và cải thiện sinh kế cộng đồng, đồng thời tăng cường quản lý và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, môi trường, đa dạng sinh học tại vùng đệm VQG Phong Nha - Kẻ Bàng. Nghiên cứu được thực hiện nhằm bước đầu đánh giá hiệu quả của mô hình phát triển sinh kế cộng đồng gắn với du lịch sinh thái trên cơ sở đánh giá hiệu quả về: kinh tế - xã hội; đa dạng sinh học và môi trường. Từ kết quả nghiên cứu, một số giải pháp nhằm phát triển bền vững mô hình được đề xuất tại khu vực nghiên cứu.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu số liệu, tài liệu

- Thu thập tài liệu thứ cấp: Các tài liệu, số liệu thứ cấp gồm: kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học, đề tài, dự án đã công bố; các tài liệu, báo cáo, ấn phẩm của cơ quan quản lý VQG Phong Nha - Kẻ Bàng, của chính quyền địa phương... có liên quan đến mô hình sinh kế cộng đồng gắn với du lịch sinh thái tại VQG Phong Nha - Kẻ Bàng và các khu vực lân cận.

- Thu thập số liệu sơ cấp: Tiến hành điều tra

khảo sát trực tiếp kết hợp điều tra gián tiếp bằng hệ thống bảng hỏi với các nhóm đối tượng bao gồm: cộng đồng người dân sinh sống tại vùng đệm VQG Phong Nha - Kẻ Bàng (thuộc khu vực thị trấn Phong Nha, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình); khách du lịch tham quan; đại diện chính quyền địa phương, Ban quản lý VQG Phong Nha - Kẻ Bàng và các chuyên gia.

Nghiên cứu chọn mẫu theo phương pháp của Yamane (1967) [7] như sau:

$$n = \frac{N}{1 + N * (e^2)}$$

Trong đó: n là kích thước mẫu cần nghiên cứu; N là tổng số mẫu nghiên cứu; e là sai số cho phép. Trong nghiên cứu này, độ tin cậy là 95%, sai số cho phép (e) bằng 0,05.

Tổng dân số tại thị trấn Phong Nha, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình khoảng 12.475 người [8]. Lượng khách du lịch trung bình/tháng đến VQG Phong Nha - Kẻ Bàng năm 2021 là 8.210 lượt khách/tháng. Tổng số các cán bộ chính quyền tại khu vực nghiên cứu, Ban quản lý VQG Phong Nha - Kẻ Bàng và các chuyên gia ước tính khoảng 60 người (tổng cộng N = 20.745 người) [9]. Áp dụng công thức của Yamane cho thấy, số lượng mẫu tối thiểu cần điều tra khảo sát là: 392,43. Tức là, nghiên cứu cần tối thiểu 393 mẫu điều tra để đảm bảo độ tin cậy 95% của nghiên cứu. Do đó, nghiên cứu phát ra 400 phiếu và đã thu về 396 phiếu, cụ thể được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1. Số lượng mẫu điều tra theo nhóm đối tượng nghiên cứu

TT	Đối tượng	Số lượng người thực tế	Số lượng mẫu thu được
1	Người dân địa phương	12.475	196
2	Khách du lịch	8.210	179
3	Cán bộ địa phương, Ban quản lý VQG Phong Nha - Kẻ Bàng và chuyên gia	60	21
	Tổng cộng		396

Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát năm 2021

Nghiên cứu ứng dụng phương pháp chọn mẫu phân tầng (lựa chọn các đối tượng dựa vào kinh nghiệm tham gia phát triển du lịch) và kết hợp chọn mẫu ngẫu nhiên. Sau đó, nhóm chuyên gia phỏng vấn chia thành các nhóm nhỏ 1 - 2 người/nhóm tiến hành điều tra khảo sát các đối tượng nghiên cứu bằng phiếu hỏi đã được thiết kế. Cuộc phỏng vấn được diễn ra từ 10 - 15 phút. Nhóm phỏng vấn có trách nhiệm giải thích lý do và ý nghĩa của các câu hỏi cho đối tượng được phỏng vấn để thu thập được các ý kiến chính xác.

2.2. Phương pháp xử lý số liệu

Sử dụng kết hợp phần mềm Microsoft Excel và phần mềm SPSS. 25 để tổng hợp dữ liệu, loại bỏ các dữ liệu không hợp lệ và tính toán các giá trị trong hệ thống chỉ tiêu nghiên cứu nhằm đánh giá hiệu quả mô hình phát triển sinh kế cộng đồng gắn với du lịch sinh thái tại vùng đệm VQG Phong Nha - Kẻ Bàng.

2.2.1. Phương pháp phân tích thống kê mô tả

Sử dụng phương pháp thống kê mô tả các dữ liệu nghiên cứu để đánh giá hiệu quả mô hình phát triển sinh kế cộng đồng gắn với du lịch sinh thái tại VQG Phong Nha - Kẻ Bàng. Hệ thống chỉ tiêu đánh giá: Giá trị trung bình, độ lệch chuẩn, tứ phân vị và xếp hạng tiêu chí, nhóm tiêu chí đánh giá.

2.2.2. Phương pháp thang đo Likert 5 cấp độ

Các tiêu chí đánh giá hiệu quả mô hình bao gồm 3 nhóm tiêu chí về: kinh tế - xã hội (5 tiêu chí); đa dạng sinh học (3 tiêu chí); môi trường (4 tiêu chí) trên cơ sở kế thừa kết quả nghiên cứu của

đề tài “Nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất giải pháp sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên gắn với sinh kế cộng đồng tại vùng đệm VQG Phong Nha - Kẻ Bàng” thực hiện từ tháng 9/2020. Các tiêu chí được sử dụng để đánh giá mức độ đồng thuận của các đối tượng được khảo sát thông qua phương pháp thang đo Likert từ (1) đến (5) như sau: (1) Rất không đồng ý; (2) Không đồng ý; (3) Bình thường; (4) Đồng ý; (5) Rất đồng ý [10]. Đánh giá theo thang đo: Giá trị trung bình được tính toán theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị khoảng cách = (giá trị tối đa - giá trị tối thiểu)/n = (5 - 1)/5 = 0,8. Do đó, mức độ và ý nghĩa của các giá trị được thể hiện ở bảng 2.

Bảng 2. Đánh giá 5 mức độ Likert

Mức độ khoảng	Ý nghĩa
1,00-1,80	Rất không đồng ý
1,81-2,60	Không đồng ý
2,61-3,40	Bình thường
3,41-4,20	Đồng ý
4,21-5,00	Rất đồng ý

2.2.3. Phương pháp phân tích SWOT

Sau khi phân tích hiệu quả của mô hình thông qua hệ thống chỉ tiêu đánh giá, nhóm nghiên cứu sử dụng mô hình SWOT để phân tích được các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức khi thực hiện, quản lý và phát triển mô hình hình phát triển sinh kế cộng đồng gắn với du lịch sinh thái tại vùng đệm VQG Phong Nha - Kẻ Bàng.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đánh giá hiệu quả về kinh tế - xã hội của mô hình

Bảng 3. Phân tích dữ liệu nghiên cứu về nhóm tiêu chí kinh tế - xã hội

STT	Tiêu chí	Độ lệch chuẩn	Tứ phân vị			Trung bình		Xếp hạng
			25%	50%	75%			
1	Tốc độ tăng trưởng doanh thu du lịch	0,560	3,00	3,00	3,00	2,99	Bình thường	5
2	Tốc độ tăng trưởng lượng khách du lịch	0,574	3,00	3,00	3,00	3,10	Bình thường	4

3	Mức độ tham gia của cộng đồng	0,721	3,00	4,00	4,00	3,56	Đồng ý	1
4	Xóa đói giảm nghèo và tăng thu nhập bình quân của cộng đồng	0,625	3,00	3,00	3,00	3,20	Bình thường	3
5	Mức độ tạo việc làm cho cộng đồng địa phương	0,636	3,00	3,00	4,00	3,27	Bình thường	2

Bảng 3 cho thấy, các tiêu chí về hiệu quả kinh tế - xã hội cho kết quả đánh giá dao động trong khoảng từ bình thường đến đồng ý (giá trị trung bình từ 2,99 - 3,56). Trong đó, tiêu chí mức độ tham gia của cộng đồng được đánh giá cao nhất (giá trị trung bình là 3,56 - mức đồng ý), tiếp đến là tiêu chí mức độ tạo việc làm cho cộng đồng địa phương (giá trị trung bình là 3,27 - bình thường) và tiêu chí xóa đói giảm nghèo và tăng thu nhập bình quân của cộng đồng (giá trị trung bình là 3,2 - bình thường). Hai tiêu chí tốc độ tăng trưởng của khách du lịch (3,10 – bình thường) và tiêu chí tốc độ tăng trưởng của doanh thu du lịch (2,99 – bình thường) lần lượt xếp hạng cuối trong nhóm tiêu chí đánh giá về kinh tế - xã hội.

Mặc dù tại vùng đệm VQG Phong Nha - Kẻ Bàng, nhiều nội dung hoạt động đã được triển khai như: xây dựng 5 tuyến du lịch sinh thái kết hợp với hệ thống biển chỉ dẫn cung cấp thông tin tại một số điểm du lịch sinh thái đề xuất; lắp đặt hệ thống áp phích với khẩu hiệu phát triển du lịch sinh thái để cải thiện sinh kế cộng đồng tại các xã vùng đệm; triển khai mô hình trồng cây dược liệu dưới tán rừng vừa nhằm mục đích cải thiện sinh kế người dân vừa góp phần gia tăng loại hình, sản phẩm du lịch tại khu vực; đồng thời đề xuất mô hình đồng quản lý và chia sẻ lợi ích giữa các bên liên quan chính gồm chính quyền địa phương, Ban quản lý VQG Phong Nha - Kẻ Bàng, cộng đồng địa phương, các tổ chức nghiên cứu, tài trợ...; định kỳ phát thanh các chương trình truyền thông về phát triển sinh kế gắn với du lịch sinh thái trên đài phát thanh... Tuy nhiên, hiệu quả về kinh tế - xã hội

Nguồn: Kết quả phân tích bằng phần mềm SPSS 25 chưa được các đối tượng tham gia khảo sát đánh giá cao (nhất là sau ảnh hưởng của dịch bệnh Covid - 19 trong năm 2020 - 2021).

Do đó nhiều đối tượng tham gia khảo sát chưa đánh giá đầy đủ hiệu quả kinh tế - xã hội của mô hình. Khi so với hoạt động phát triển sinh kế cộng đồng truyền thống (dựa vào nông nghiệp và lâm nghiệp), phát triển sinh kế gắn với du lịch sinh thái vẫn được đánh giá cao hơn, do đó mức độ tham gia của cộng đồng vào mô hình được đánh giá cao hơn so với các tiêu chí khác trong nhóm tiêu chí về kinh tế - xã hội (Bảng 3).

3.2. Đánh giá hiệu quả về đa dạng sinh học của mô hình

Bảng 4 cho thấy kết quả đánh giá của các tiêu chí dao động trong khoảng đồng ý đến rất đồng ý trên thang Likert 5 (giá trị trung bình dao động từ 3,63 - 4,38). Trong đó, tiêu chí các đối tượng tham gia mô hình hiểu biết về du lịch sinh thái được đánh giá cao nhất trong nhóm tiêu chí (giá trị trung bình là 4,38 - rất đồng ý). Tiếp đến là tiêu chí mô hình sinh thái không có các hoạt động làm ảnh hưởng đến công tác bảo tồn các loài động vật, thực vật quý hiếm xếp hạng thứ hai, được các đối tượng tham gia khảo sát đánh giá rất đồng ý (giá trị trung bình là 4,27). Cuối cùng là tiêu chí góp phần nâng cao được ý thức bảo vệ động, thực vật hoang dã, quý hiếm, ưu tiên bảo vệ của VQG (giá trị trung bình là 3,63 – đồng ý).

Với 2 nhóm đánh giá về kinh tế - xã hội và đa dạng sinh học: Mô hình tổ chức chương trình tập huấn với mục tiêu nâng cao nhận thức của cộng đồng và người dân trong công tác phát triển sinh

kế gắn với du lịch sinh thái tại vùng đệm VQG Phong Nha - Kẻ Bàng. Trong đó, các đối tượng tham gia bao gồm các cán bộ thuộc một số thôn, xã, huyện, các thành viên của tổ chức đoàn, hội (đoàn thanh niên, hội nông dân, phụ nữ, người cao tuổi) và các hộ dân trong khu vực (30 hộ). Thông qua buổi tập huấn, các đối tượng tham gia đã được phổ biến các khái niệm chung về sinh kế, sinh kế cộng đồng, phát triển sinh kế, xây dựng mô hình trồng cây dược liệu để cải thiện thu nhập, tăng sản phẩm của du lịch; tập huấn về các vấn đề liên quan đến hoạt động du lịch sinh thái, tài nguyên du lịch

sinh thái, các tuyến và địa điểm tổ chức hoạt động du lịch sinh thái; khả năng tham gia vào hoạt động du lịch sinh thái và tạo thu nhập từ hoạt động này của cộng đồng; tăng cường trách nhiệm của cộng đồng trong bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, nâng cao ý thức của người dân trong việc tuân theo các quy định hiện hành về bảo vệ tài nguyên, đa dạng sinh học khi phát triển sinh kế; phổ biến các hành vi bị pháp luật nghiêm cấm như khai thác lâm sản trái phép, săn bắt, giết mổ động vật trái phép.

Bảng 4. Phân tích dữ liệu nghiên cứu về nhóm tiêu chí đa dạng sinh học

STT	Tiêu chí	Độ lệch chuẩn	Tứ phân vị			Trung bình		Xếp hạng
			25%	50%	75%			
1	Các đối tượng tham gia mô hình hiểu biết về du lịch sinh thái	0,639	4,00	4,00	5,00	4,38	Rất đồng ý	1
2	Mô hình du lịch sinh thái không có các hoạt động làm ảnh hưởng đến công tác bảo tồn các loài động, thực vật quý hiếm	0,661	4,00	4,00	5,00	4,27	Rất đồng ý	2
3	Góp phần nâng cao được ý thức bảo vệ động, thực vật hoang dã, quý hiếm, ưu tiên bảo vệ của VQG	0,684	3,00	4,00	4,00	3,63	Đồng ý	3

3.3. Đánh giá hiệu quả về môi trường của mô hình

Bảng 5 cho thấy, kết quả đánh giá của các tiêu chí là bình thường đến đồng ý (giá trị trung bình từ 3,18 - 3,43) trên thang Likert 5. Tiêu chí tỷ lệ hộ dân phát triển du lịch sinh thái cam kết và thực hiện bảo tồn nguồn tài nguyên, đặc biệt là tài nguyên rừng cùng tiêu chí. Tỷ lệ hộ dân phát triển du lịch sinh thái cam kết và thực hiện giảm ô nhiễm môi trường có xếp hạng cao nhất trong nhóm tiêu chí về môi trường (giá trị trung bình lần lượt là 3,43 và 3,42 - mức đồng ý). Tiêu chí tỷ lệ hộ dân phát triển du lịch sinh thái có giải pháp cụ thể (thu gom rác thải, nước thải sinh hoạt,...) và tiêu

Nguồn: Kết quả phân tích bằng phần mềm SPSS 25
 chí tỷ lệ hộ dân phát triển du lịch sinh thái có giải pháp tiết kiệm, thu hồi năng lượng, tái sử dụng năng lượng, nguyên liệu tại địa phương và sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường lần lượt xếp hạng 3 và 4 trong nhóm tiêu chí môi trường với giá trị trung bình là 3,32 và 3,18 trên thang Likert 5 (mức bình thường). Kết quả này đạt được là do đã xây dựng chương trình giáo dục về môi trường nhằm nâng cao nhận thức của người dân, đặc biệt là nhóm đối tượng học sinh. Kết hợp với chương trình tập huấn, chương trình giáo dục về môi trường đã nâng cao nhận thức của người dân về giảm ô nhiễm môi trường và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, góp phần làm tăng tỷ lệ người dân tham gia.

Bảng 5. Phân tích dữ liệu nghiên cứu về nhóm tiêu chí môi trường

STT	Tiêu chí	Độ lệch chuẩn	Tứ phân vị			Trung bình		Xếp hạng
			25%	50%	75%			
1	Tỉ lệ hộ dân phát triển du lịch sinh thái có giải pháp cụ thể (thu gom rác thải, nước thải sinh hoạt,...) về bảo vệ môi trường	0,667	3,00	3,00	4,00	3,32	Bình thường	3
2	Tỉ lệ hộ dân phát triển du lịch sinh thái có giải pháp tiết kiệm, thu hồi năng lượng, tái sử dụng năng lượng, nguyên liệu tại địa phương và sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường	0,571	3,00	3,00	3,00	3,18	Bình thường	4
3	Tỉ lệ hộ dân phát triển du lịch sinh thái cam kết và thực hiện bảo tồn nguồn tài nguyên, đặc biệt là tài nguyên rừng	0,659	3,00	3,00	4,00	3,43	Đồng ý	1
4	Tỉ lệ hộ dân phát triển du lịch sinh thái cam kết và thực hiện giảm ô nhiễm môi trường	0,753	3,00	3,00	4,00	3,42	Đồng ý	2

Nguồn: Kết quả phân tích bằng phần mềm SPSS 25 sinh thái tại khu vực nghiên cứu bao gồm việc đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức (phân tích SWOT) được thể hiện tại bảng 6.

3.4. Đánh giá tổng hợp hiệu quả của mô hình

Kết quả đánh giá tổng hợp hiệu quả của mô hình phát triển sinh kế cộng đồng gắn với du lịch

Bảng 6. Đánh giá tổng hợp hiệu quả mô hình

Điểm mạnh	Điểm yếu
- Đa dạng hoá các sản phẩm du lịch - Xây dựng tuyến du lịch sinh thái gắn với cộng đồng - Tổ chức được các hoạt động nâng cao nhận thức	- Hiệu quả tăng cường sinh kế chưa thể hiện rõ - Vấn đề tuyên truyền nâng cao nhận thức còn nhiều khó khăn
Cơ hội	Thách thức
- Du lịch sinh thái là loại hình tiềm năng - Chính quyền tạo điều kiện phát triển du lịch sinh thái	- Vấn đề biến đổi khí hậu, dịch bệnh - Áp lực về cạnh tranh, môi trường, sức chứa khi phát triển du lịch

3.4.1. Điểm mạnh

- Mô hình đã tổ chức được các hoạt động

nhằm tăng cường nhận thức người dân, chính quyền địa phương về tăng cường sinh kế cộng đồng gắn với phát triển du lịch sinh thái, bảo vệ tài

nguyên thiên nhiên, môi trường thông qua các chương trình tập huấn, chương trình giáo dục môi trường, phát thanh, dán áp phích, biển chỉ dẫn... Từ đó, tăng cường sự tham gia của cộng đồng (đặc biệt là cộng đồng dân tộc bản địa), góp phần xoá đói giảm nghèo, tăng cường sinh kế của người dân.

- Đa dạng hoá các sản phẩm du lịch tại khu vực nghiên cứu.

- Thiết lập được các tuyến du lịch sinh thái gắn với cộng đồng.

3.4.2. Điểm yếu

- Hiệu quả tăng cường sinh kế chưa thể hiện rõ ràng do tác động của dịch bệnh Covid - 19 trong thời gian thực hiện mô hình (năm 2021) nên các đối tượng tham gia khảo sát chưa đánh giá được cụ thể. Ảnh hưởng đến mức độ tham gia, chất lượng cải thiện sinh kế, xoá đói giảm nghèo, lượng khách du lịch, tỉ lệ tăng trưởng doanh thu du lịch.

- Do đặc điểm văn hoá, xã hội khác biệt nên vấn đề tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường cho các bên liên quan còn gặp nhiều khó khăn.

3.5.3. Cơ hội

- Du lịch sinh thái là một trong những loại hình được các chính quyền trên thế giới lựa chọn để phát triển kinh tế gắn với bảo tồn tài nguyên tại các khu vực đang được bảo vệ. Du lịch sinh thái gắn với cộng đồng bản địa là chìa khoá hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

- Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương tại khu vực nghiên cứu tạo nhiều điều kiện phát triển du lịch sinh thái.

3.4.4. Thách thức

- Biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp gây ảnh hưởng đến các hoạt động du lịch, thời gian du lịch, mùa vụ du lịch, rủi ro khi tham gia các hoạt động du lịch sinh thái (lũ ống, lũ quét, sạt lở đất...).

- Ảnh hưởng của dịch bệnh là yếu tố tiềm ẩn nhiều rủi ro và có thể gây ra hậu quả khôn lường đối với hoạt động du lịch.

- Áp lực về cạnh tranh, môi trường, sức chứa... khi phát triển du lịch tại địa phương.

4. KẾT LUẬN

Mô hình phát triển sinh kế cộng đồng gắn với du lịch sinh thái tại vùng đệm VQG Phong Nha - Kẻ Bàng đạt hiệu quả về kinh tế - xã hội, đa dạng sinh học và môi trường. Các tiêu chí của nhóm đa dạng sinh học được đánh giá cao nhất, tiếp đến là nhóm tiêu chí về môi trường, cuối cùng là nhóm tiêu chí về kinh tế - xã hội. Vấn đề nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các bên liên quan về du lịch sinh thái, bảo vệ tài nguyên, môi trường thông qua chương trình tập huấn, chương trình giáo dục, hệ thống biển báo chỉ dẫn, áp phích... Đa dạng hoá sản phẩm du lịch và thiết lập các tuyến du lịch sinh thái gắn với cộng đồng tại vùng đệm VQG Phong Nha - Kẻ Bàng sẽ góp phần tăng cường sự tham gia của người dân vào công tác bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đồng thời góp phần tạo việc làm, cải thiện sinh kế cho người dân.

Trong quá trình triển khai mô hình một số khó khăn như dịch bệnh Covid - 19 (năm 2021), hiện tượng thời tiết cực đoan có xu hướng tăng (cuối năm 2020)... đã ảnh hưởng đến việc triển khai và đánh giá mô hình. Vì vậy để có thể triển khai mô hình hiệu quả hơn trong giai đoạn tiếp theo cần thực hiện một số giải pháp sau: Đa dạng

hoá các hoạt động du lịch sinh thái tăng cường sự tham gia của cộng đồng; tổ chức các chương trình tập huấn, chương trình giáo dục định kỳ, mở rộng các nội dung truyền đạt sao cho phong phú, đa dạng hơn (kỹ năng phục vụ trong hoạt động du lịch, trình độ ngoại ngữ...); đa dạng hoá các hoạt động quảng bá hình ảnh của mô hình trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội... Ngoài ra, việc minh bạch và công bằng trong cơ chế quản lý và chia sẻ lợi ích giữa các bên liên quan cũng cần phải được thực hiện đầy đủ hơn.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này được thực hiện và hoàn thành nhờ sự hỗ trợ của Ban Quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng và Bộ Khoa học và Công nghệ thông qua đề tài độc lập cấp quốc gia: “Nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất giải pháp sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên gắn với sinh kế cộng đồng tại Khu Di sản Thiên nhiên thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (Vườn Quốc gia)”, Mã số ĐTĐL.CN - 35/20. Nhóm tác giả xin chân thành cảm ơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2001). *Quyết định số 189/2001/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2001 về việc chuyển hạng Khu Bảo tồn Thiên nhiên Phong Nha - Kẻ Bàng thành Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.*
2. Chính phủ (2017). *Quyết định số 2128/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2017 về phê duyệt quy hoạch chung xây dựng Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, tỉnh Quảng Bình đến năm 2030.*

3. Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình (2014). *Quyết định số 3605/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2014 về việc phê duyệt quy hoạch phát triển kinh tế xã hội vùng đệm theo hướng bảo tồn VQG Phong Nha - Kẻ Bàng đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030.*

4. Abdullah AR., Weng CN., Afif I., Fatah A. (2018). Ecotourism in Penang National Park: a multi-stakeholder perspective on environmental issues. *Journal of Business and Social Development*, 6 (1), 70 – 83.

5. Buckley, R., Cater, C., Linsheng, Z., Chen, T. (2008). *Shengtai luyou: Cross-cultural comparison in ecotourism.* Annals of Tourism Research, 35(4), 945–968.

6. Phùng Thị Tuyền, Nguyễn Thị Ngọc Ánh (2019). Thực trạng du lịch sinh thái tại Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, tỉnh Quảng Bình. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp*, 1, 79 - 87.

7. Yamane, T. (1967). *Statistics. An Introductory Analysis*, 2nd Edition, New York: Harper and Row.

8. Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (2019). *Thông cáo báo chí kết quả sơ bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019.* Tổng cục Thống kê.

9. Chi cục Thống kê huyện Bố Trạch (2020). *Niên giám thống kê huyện Bố Trạch năm 2019.* Huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

10. Likert, R. (1932). *A technique for the measurement of attitudes.* Archives of psychology.

EFFECTIVE ASSESSMENT OF THE COMMUNITY LIVELIHOOD MODEL ASSOCIATED WITH ECOTOURISM IN THE BUFFER - ZONE OF PHONG NHA - KE BANG NATIONAL PARK

Bui The Doi^{1*}, Tran Ngoc The¹,
Vo Mai Anh¹, Tran Thanh Lam², Vu Linh Chi²,
Phung Ngoc Truong³, Pham Van Toan³

¹*Vietnam National University of Forestry*

²*Institute of Environment Science and Climate Change*

³*Center for Research and Environmental Planning*

Summary

The study was carried out to assess the effectiveness of implementing the model of community livelihood associated with eco-tourism in the buffer - zone of Phong Nha - Ke Bang National Park through the use of some methods: Descriptive statistical analysis; Five-point Likert scale analysis; and SWOT analysis. The results show that the model is effective in terms of socio-economic, biodiversity and environment (total averaged value: 3.55). In which, the group of criteria for biodiversity was highest (value from 3.63-4.38), followed by the group of environmental criteria (value: 3.18-3.43), and the lowest are the socio-economic criteria group (value: 2.99-3.56). However, in the process of implementing the model, there are still several difficulties and challenges such as social distancing measures due to the Covid-19 pandemic, and the increase of extreme weather phenomena. Therefore, several solutions have been proposed to develop the model in the future.

Keywords: *Community livelihood, eco - tourism, efficiency, Likert scale analysis, Phong Nha - Ke Bang National Park.*

Người phản biện: TS. Hoàng Huy Tuấn

Ngày nhận bài: 6/01/2023

Ngày thông qua phản biện: 6/02/2023

Ngày duyệt đăng: 13/02/2023